

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỜNG XUÂN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Ngọc

Bà Hà Thị Hoà

Th- ký ghi biên bản phiên tòa:

Ông: **Trần Đình Tú** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thờng Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thờng Xuân tham gia phiên tòa:

Bà: **Hà Thị Hồng Tú** - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thờng Xuân, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2018/HSST ngày 14/03/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/HSST-QĐ ngày 27/03/2018 đối với:

- Các bị cáo

1. Vi Văn H - Sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Thôn D, xã XT, huyện TX, tỉnh TH.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn T và bà Vi Thị T có vợ: Hoàng Thị H và 01 con;

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Vi Văn T Sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Thôn D, xã XT, huyện TX, tỉnh TH.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn H và bà Vi Thị T; Vợ, con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Vi Văn D Sinh năm 1996;

Nơi cư trú: Thôn D, xã XT, huyện TX, tỉnh TH.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Thanh B và bà Vi Thị S; Vợ, con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

4. Vi Văn T Sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Thôn D, xã XT, huyện TX, tỉnh TH.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn Ú và bà Vi Thị Kh; Vợ, con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

5. Vi Văn H Sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Thôn D, xã XT, huyện TX, tỉnh TH.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn V và bà Cầm Thị M; Vợ, con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

6. Lương Thế Anh Sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Thôn ĐT, xã TN, huyện NX, tỉnh TH.

Nghề nghiệp: Tiểu thương; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn N và bà Hà Thị B; Vợ Vi Thị H và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

- **NGƯỜI BẢO CHỮA CHO CÁC BỊ CÁO VI VĂN H, VI VĂN T, VI VĂN D:**

1. Bà **Phan Thị Nhung** – Trợ giúp viên pháp lý của chi nhánh trợ giúp số 6 thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hoá

- **NGƯỜI BẢO CHỮA CHO CÁC BỊ CÁO VI VĂN T, VI VĂN H, LƯƠNG THẾ A:**

1. Bà **Hà Thị Nhàn** – Trợ giúp viên pháp lý của chi nhánh trợ giúp số 6 thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hoá

- **NGƯỜI BỊ HẠI:**

1. Vi Thị L - Sinh năm 1994

2. Lương Văn C – Sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn E, xã XT, huyện TX, tỉnh TH.; Có mặt

- **NGƯỜI LÀM CHỨNG:**

1. Lương Văn N

2. Hà Văn P

3. Lương Quốc S

Những người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 02/11/2017 Vi Văn H cùng với Vi Văn D, Vi Văn T, Vi Văn T, Vi Văn H đi trên 2 xe máy vào thôn É, xã XT chơi. Khi đi đến giữa dốc thôn É thì cả nhóm thấy 01 con lợn giống cái, màu đen của gia đình chị Vi Thị L, sinh năm 1994 và anh Lương Văn C, sinh năm 1991 đang đi ở gần rãnh hào thoát nước bên đường. Vi Văn H nói với cả nhóm dừng xe lại đứng chờ còn mình đi xe máy của D về nhà lấy 01 con dao và 04 đoạn gậy gỗ, rồi quay lại đưa cho D, T, Tr, H mỗi người một đoạn gậy và nói “bay vây bắt con lợn ni cho tao, tao có nơi tiêu thụ rồi”. Cả nhóm cùng đuổi bắt con lợn, trong lúc vây bắt đã dùng dao, gậy, đá đánh vào vùng bụng, đầu dẫn đến con lợn chết. Sau đó, cả nhóm vứt bỏ gậy, đá lại hiện trường và khiêng con lợn lên xe chở đến bán cho Lương Thế A, nhưng hai bên đã thống nhất cùng làm thịt lợn, sau đó bán được bao nhiêu sẽ chia đôi. Lương Thế A cùng H, H làm thịt lợn còn Tr, D, Th lên giường đi ngủ. Trong lúc làm thịt lợn Lương Thế A hỏi về nguồn gốc con lợn thì H nói “bọn em thấy nó đi ngoài đường ở thôn É, xã XT nên làm luôn”. Đến 04 giờ ngày 03/11/2017 làm thịt lợn xong, các đối tượng luộc lòng lên ăn rồi đi về. Đến khoảng 07 giờ ngày 03/11/2017 Lương Thế A bán con lợn cho Lương Văn N, sinh năm 1986; Hà Văn P, sinh năm 1982; Lương Quốc S, sinh năm 1967 đều trú tại thôn ĐT, xã TN, huyện NX giá 1.500.000đ. Khi bán Thế A đã cân con lợn được 55kg thịt móc hàm, đồng thời nói nguồn gốc con lợn là của gia đình xồng chuồng ra ngoài bị người dân chém chết. Đến chiều cùng ngày Vi Văn H, Vi Văn D, Vi Văn T đến nhà Lương Thế A lấy tiền và được Thế A trả 1.000.000đ. Số tiền này H chia đều cho D, Tr, T, H mỗi người 150.000đ, còn lại H cầm.

Tại bản kết luận định giá số 33 ngày 22/11/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng kết luận giá trị của con lợn mà các đối tượng trộm cắp là 3.300.000đ. Trong quá trình điều tra các bị cáo Vi Văn H, Vi Văn T, Vi Văn D, Vi Văn Tr, Vi Văn H và Lương Thế A đã tự nguyện thoả thuận bồi thường cho gia đình chị Vi Thị L và anh Lương Văn C số tiền 3.300.000đ; anh C và chị L không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra Vi Văn H, Vi Văn D còn thừa nhận cùng nhau trộm cắp tài sản nhiều lần khác của người dân trên địa bàn xã XT, huyện T X đem bán cho Lương Thế A lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cơ quan điều tra đã điều tra nhưng chưa đủ cơ sở để xử lý hình sự, nên tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Đối với Lương Văn N, Hà Văn P, Lương Quốc S đã mua con lợn từ Lương Thế A, tuy nhiên không biết do trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Vật chứng của vụ án gồm: 04 đoạn gậy gỗ, 02 cục đá; 01 con dao, 02 chiếc xe máy. Trong số vật chứng trên, Cơ quan điều tra đã thu giữ 02 đoạn gậy gỗ, 02 cục đá; 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA sirius, biển kiểm soát 36M9-5815; 01 xe máy nhãn hiệu Honda – Wave anpha, biển kiểm soát 36M1-10246. Số vật chứng còn lại cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thấy. Trong số vật chứng đã thu giữ, 01 chiếc xe máy YAMAHA sirius, biển kiểm soát 36M9-5815 xác định là của anh Vi Hồng D, sinh năm 1972 ở thôn D, xã XT cho Vi Văn T mượn đi, anh D không biết T sử dụng để đi trộm cắp

tài sản nên trả lại cho anh D. Vật chứng còn lại là 02 đoạn gậy, 02 cục đá; 01 xe máy Honda – Wave anpha, biển kiểm soát 36M1-10246 tiếp tục thu giữ, quản lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 07/CT- VKSTX ngày 12/03/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Th- ờng Xuân đã truy tố Vi Văn H, Vi Văn T, Vi Văn D, Vi Văn Tr, Vi Văn H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; truy tố bị cáo Lương Thế A về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân duy trì công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật đối với các bị cáo như sau: áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, đề nghị tuyên bố các bị cáo Vi Văn H, Vi Văn T, Vi Văn D, Vi Văn T, Vi Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng các điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 đối với tất cả các bị cáo; áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 đối với Tr, H, T; áp dụng Điều 33 đối với H, D, đề nghị xử phạt Vi Văn H từ 9 đến 12 tháng tù, Vi Văn D từ 6 đến 9 tháng tù; áp dụng khoản 1,2 Điều 60 đối với H, Tr, T, đề nghị xử phạt Vi Văn Tr, Vi Văn H, Vi Văn T mỗi bị cáo 6 đến 9 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Áp dụng khoản 1 Điều 250, các điểm b,p khoản 1,2 Điều 46, khoản 1,2 Điều 60 Bộ luật hình sự tuyên bố Lương Thế A phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; đề nghị xử phạt Lương Thế A từ 7 đến 10 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng. Giao các bị cáo Tr, H, Th, A cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Về vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo đồng ý với cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân các bị cáo là dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế khó khăn, trình độ dân trí thấp, nhận thức pháp luật hạn chế, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự do đó Hội đồng xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Các bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã đ- ọc thẩm tra tại phiên toà hôm nay, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Th- ờng Xuân, các bị cáo, và những ng- ời tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy nh- sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Thường Xuân, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, Điều tra viên, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qua quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; Người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân truy tố.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21h ngày 02/11/2017 Vi Văn H cùng với Vi Văn D, Vi Văn T, Vi Văn Tr, Vi Văn H đi trên 02 xe máy vào thôn É, xã XT chơi. Khi đi đến dốc É cả nhóm thấy 01 con lợn giống cái của gia đình chị Vi Thị L, anh Lương Văn C ở thôn É đang đi dọc rãnh nước ven đường. H bảo cả nhóm dừng lại, sau đó H đi xe máy quay về nhà lấy 01 con dao và 04 đoạn gậy gỗ, quay lại H đưa cho mỗi người một cây gậy gỗ và nói “Bay vây bắt con lợn ni cho tao, tao có nơi tiêu thụ rồi”. cả nhóm vây bắt con lợn H dùng dao chém, H, D, T, T dùng gậy đánh con lợn chết sau đó cả nhóm khênh lên xe máy biển kiểm soát 36M1-10246 do D điều khiển, H ngồi phía sau giữ đưa sang quán nhà Lương Thế A ở thôn ĐT, xã TN, huyện NX bán cho Lương Thế A. Sau khi bàn bạc Lương Thế A thống nhất với H và cả nhóm làm thịt lợn bán lấy tiền chia nhau. Lương Thế A cùng H, H làm thịt lợn, Tr, D, T đi ngủ. Sau khi làm xong cả bọn luộc lòng ăn uống xong rồi về. Ngày 03/11/2017 Lương Thế A đã bán con lợn trên cho Lương Quốc S, Hà Văn P và Lương Văn N được 1.500.000đ; 11h ngày 03/11/2017 H, D, T đến nhà Thế A lấy tiền, Anh đưa cho H 1.000.000đ. H về đưa cho D, Tr, H, T mỗi bị cáo 150.000đ, số còn lại H cầm.

[2] Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tuy nhiên hành vi phạm tội của các bị cáo đã vi phạm trật tự an toàn xã hội, cần phải xử lý nghiêm để lập lại trật tự an toàn xã hội.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Đối với các bị cáo Vi Văn H, Vi Văn T, Vi Văn D, Vi Văn Tr, Vi Văn H đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản trong việc quản lý tài sản lén lút trộm cắp 01 con lợn giống cái màu đen. Theo kết luận số 33/KL-ĐGTS ngày 22/11/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Thường Xuân, tài sản có giá trị 3.300.000đ. Hành vi trên của các bị cáo đã cấu thành đầy đủ tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Các bị cáo cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, khi thực hiện hành vi các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò, trách nhiệm cụ thể vì vậy thuộc trường hợp đồng phạm gián đơn và phải cùng chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với hành vi của Lương Thế A, bị cáo không có sự hứa hẹn trước đối với các bị cáo H, T, D, Tr, H nhưng bị cáo biết được tài sản mà các đối tượng trên mang bán là do trộm cắp mà có nhưng bị cáo vẫn tiêu thụ vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Do đó Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân truy tố các bị cáo Vi Văn H, Vi Văn D, Vi Văn H, Vi Văn Tr, Vi Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” và bị cáo Lương Thế A về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 và khoản 1 Điều 250 là có cơ sở.

[4] Xét về nhân thân các bị cáo:

- Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Không

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo; các bị cáo Vi Văn Tr, Vi Văn T, Vi Văn H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Các bị cáo Vi Văn D, Vi Văn Tr, Vi Văn T, Vi Văn H sau khi phạm tội đã đến cơ quan Điều tra đầu thú. Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Vì vậy tất cả các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các bị cáo Tr, T, H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[6] Với tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với bị cáo Vi Văn H, Vi Văn D, bị cáo Vi Văn H là người khởi xướng và chủ động trong toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo D khai nhận ngoài lần phạm tội trên còn cùng H thực hiện một số lần trộm cắp khác cơ quan điều tra đang tách để xác minh, làm rõ xử lý bằng vụ án khác. Vì vậy cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian là phù hợp.

Đối với các bị cáo Vi Văn H, Vi Văn T, Vi Văn Tr, Lương Thế A có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội là không cần thiết, nên áp dụng các quy định của pháp luật xử phạt các bị cáo một mức án nhất định, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

và xử lý vật chứng: Vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/03/2018 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân. Gồm có:

01 xe máy Honda – Wave anpha, màu sơn Trắng – đen, biển kiểm soát 36M1-10246 và 02 đoạn gậy, 02 cục đá. Chiếc xe máy là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu phát mãi sung quỹ nhà nước; 02 đoạn gậy và 02 cục đá không có giá trị sử dụng nên tiêu huỷ.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14.

Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm b,p khoản 1,2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 tuyên bố bị cáo **Vi Văn H, Vi Văn D** phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Xử phạt Vi Văn H 10 (mười) tháng tù ; Vi Văn D 08 (tám) tháng tù. Thời gian chấp hành án kể từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm b,p,h khoản 1,2 Điều 46 ; Điều 20; Điều 53; khoản 1,2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 tuyên bố bị cáo **Vi Văn H, Vi Văn T, Vi Văn Tr** phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Xử phạt Vi Văn H, Vi Văn T, Vi Văn Tr mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng. Thời gian thử thách kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo H, T, Tr cho Ủy ban nhân dân xã XT, huyện T X, tỉnh TH giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 250; điểm b,p khoản 1,2 Điều 46; khoản 1,2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 tuyên bố bị cáo **Lương Thế A** phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Xử phạt Lương Thế A 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng. Thời gian thử thách kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lương Thế A cho Ủy ban nhân dân xã T N, huyện NX, tỉnh TH giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Xử lý vật chứng:

☐p dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự 1999.

Tịch thu phát mãi sung quỹ nhà nước 01 xe máy Honda – Wave anpha, màu sơn Trắng - đen, biển kiểm soát 36M1-10246.

- Tiêu huỷ 02 đoạn gậy, 02 cục đá.

Vật chứng của vụ án đ- ọc mô tả nh- biên bản bàn giao tang vật ngày 19/03/2018 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Thường Xuân với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th- ờng Xuân.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, khoản 1 Điều 21; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về “Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án” buộc Vi Văn H, Vi Văn D, Vi Văn H, Vi Văn T, Vi Văn Tr, Lương Thế A mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

☐n xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, người bị hại. Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày tròn kể từ ngày 10/04/2018.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Th- ờng Xuân;
- Công an huyện Th- ờng Xuân;
- Chi cục THADS Th- ờng Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hoá.
- Các bị cáo
- Người bị hại
- Người bào chữa
- L- u HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị An